

Số: 04./2017/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 26 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 3100/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

1. Mức thu

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng mangan	Tấn	40.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	60.000
4	Quặng vàng	Tấn	230.000
5	Quặng đất hiếm	Tấn	50.000
6	Quặng bạch kim	Tấn	230.000
7	Quặng bạc, Quặng thiếc	Tấn	230.000
8	Quặng von-phờ-ram (wolfram), Quặng ăng-ti-mon (antimon)	Tấn	40.000
9	Quặng chì, Quặng kẽm	Tấn	230.000
10	Quặng nhôm, Quặng bô-xít (bouxite)	Tấn	20.000
11	Quặng đồng, Quặng ni-ken (niken)	Tấn	50.000



STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
12	Quặng cromit	Tấn	50.000
13	Quặng cô-ban (coban), Quặng mô-lip-đen (molipden), Quặng thủy ngân, Quặng ma-nhê (magie), Quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	230.000
14	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	25.000
II Khoáng sản không kim loại			
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa, bazan)	m ³	60.000
2	Đá Block	m ³	80.000
3	Quặng đá quý: Kim cương, ru-bi (rubi), Sa-phia (sapphire), E-mô-rôt (emerald), A-lếch-xan-dờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen, A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rôp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz), thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, Birusa, Nê-phờ-rít (nephrite)	Tấn	70.000
4	Sỏi, cuội, sạn	m ³	5.000
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	3.000
6	Đá vôi, đá sét làm xi măng, các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan...); khoáng chất công nghiệp (barit, flourit, bentonit và các loại khoáng chất khác)	Tấn	2.000
7	Cát vàng	m ³	5.000
8	Cát trắng	m ³	7.000
9	Các loại cát khác	m ³	4.000
10	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	1.500
11	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	1.500
12	Đất làm thạch cao	m ³	2.500
13	Cao lanh, phen-sờ-pát (fenspat)	m ³	6.000
14	Các loại đất khác	m ³	1.500
15	Sét chịu lửa	Tấn	25.000
16	Đô-lô-mít (dolomite), quắ-zít (quartzite), talc, diatomit	Tấn	25.000
17	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	25.000
18	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorite)	Tấn	25.000
19	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.500
20	A-pa-tít (apatit), séc-pen-tin (secpentin), graphit, sericit	Tấn	4.000
21	Than các loại	Tấn	6.000
22	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	25.000

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% (sáu mươi phần trăm) mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung có liên quan về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại



Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 8 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban chỉ đạo Tây nguyên;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng TH, HSKH..

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

